| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 242/2019/DS-ST
Ngày: 09-7-2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Xuân Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

2. Ông Trần Phú Nhuận.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Phương – Là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:* Bà Lưu Thị Thúy Hằng - Kiểm Sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 627/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh V.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9 đường Đoàn Văn B, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

Bà Phan Thị Mỹ H, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Cộng Hòa G, số 20 đường Cộng H, Phường 12, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền số: 884/UQTA-VH.18 ngày 19/10/2018).

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thục H, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: 249 đường Lý Thái T, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/12/2015 bà Huỳnh Thục H có ký hợp đồng tín dụng số 20151226-500000-0959 với Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 21.100.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2,91%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền 29.751.000 đồng (gồm vốn gốc là 21.100.000 đồng và lãi là 8.651.000 đồng), trả chậm liên tiếp trong 24 tháng, 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.235.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.346.000 đồng. Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/02/2016.

Thực hiện hợp đồng, bà H đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho Ngân hàng được 05 lần với số tiền là 6.045.000 đồng (tiền gốc 4.188.305 đồng, tiền lãi 1.856.695 đồng). Từ ngày 15/5/2017 bà H không thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở, yêu cầu thanh toán nợ. Tại tòa Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả toàn bộ khoản nợ tới hạn là 23.706.000 đồng: Trong đó nợ gốc là 16.911.695 đồng, nợ lãi còn lại tính đến ngày 01/02/2018 là 6.794.305 đồng. Tiền lãi phát sinh từ ngày 02/02/2018 cho đến khi trả hết nợ Ngân hàng tự nguyện không tính với bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bà Huỳnh Thục H trả nợ vay, đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng bà H không cung cấp chứng cứ, không đến Tòa án làm bản khai để phản bác yêu cầu của nguyên đơn, từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình, do đó Tòa án căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án. Mặt khác, bà H vắng mặt tại phiên hòa giải và nguyên đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Tại phiên tòa ngày hôm nay bà H vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Xét văn bản ủy quyền số: 884/UQTA-VH.18 ngày 19/10/2018 của bà Nguyễn Thị Thanh T ủy quyền cho bà Phan Thị Mỹ H tham gia tố tụng giải quyết vụ án là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 20151226-500000-0959 ngày 22/12/2015 được ký kết giữa Ngân hàng với bà Huỳnh Thục H là hợp đồng vay tín chấp. Bà H vay 21.100.000 đồng của Ngân hàng để tiêu dùng cá nhân và có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 29.751.000 đồng (gồm vốn gốc là 21.100.000 đồng và lãi là 8.651.000 đồng), trả chậm liên tiếp trong 24 tháng, bắt đầu từ ngày 01/02/2016 đến ngày 01/02/2018.

Sau khi ký kết hợp đồng, bà H đã nhận đủ số tiền vay, tuy nhiên bà H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Căn cứ vào Bảng thống kê lịch sử thanh toán do nguyên đơn cung cấp và lời khai của nguyên đơn thì từ ngày vay đến ngày 14/5/2017 bà H mới thanh toán cho Ngân hàng được 6.045.000 đồng (tiền gốc 4.188.305 đồng, tiền lãi 1.856.695 đồng). Từ ngày 15/5/2017 bà Huệ không thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho Ngân hàng. Bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng được quyền khởi kiện đối với bà H để thu hồi nợ.

[2.2] Xét yêu cầu về tiền gốc: Tại phiên tòa, nguyên đơn đòi bị đơn trả nợ gốc còn lại là 16.911.695 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy bà H vay 21.100.000 đồng của Ngân hàng, hết hạn hợp đồng bà H mới trả cho Ngân hàng được 6.045.000 đồng nợ gốc. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc bà H phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc còn lại là 16.911.695 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu về tiền lãi: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 20151226-500000-0959 ngày 22/12/2015 Ngân hàng thỏa thuận với bà H về mức lãi suất vay là 2,91%/tháng. Xét thấy, mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có

quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Số tiền lãi các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 8.651.000 đồng, bị đơn đã trả được 1.856.695 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc bà H phải trả cho Ngân hàng số nợ lãi còn lại là 6.794.305 đồng. Tiền lãi phát sinh từ ngày 02/02/2018 cho đến khi trả hết nợ Ngân hàng tự nguyện không tính với bà H, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, sự tự nguyện này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đồng thời có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Án phí dân sự sơ thẩm mà bị đơn phải chịu là 23.706.000 đồng x 5% = 1.185.300 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Huỳnh Thục H có nghĩa vụ trả cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh V số tiền 23.706.000 đồng (hai mươi ba triệu, bảy trăm linh sáu nghìn đồng). Trong đó nợ gốc là 16.911.695 đồng (mười sáu triệu, chín trăm mười một nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng), nợ lãi còn lại tính đến ngày 01/02/2018 là 6.794.305 đồng (sáu triệu, bảy trăm chín mươi tư nghìn, ba trăm linh năm đồng) thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không tính lãi suất phát sinh đối với bà Huỳnh Thục H từ ngày 02/02/2018 cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí: Buộc bà Huỳnh Thục H phải chịu 1.185.300 đồng (một triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh V số tiền tạm

ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 592.650 đồng (năm trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0016680 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh V và bị đơn bà Huỳnh Thục H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Xuân Hương**